

Số: 16 /2023/QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày 13 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung quản lý nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 41/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20 tháng 10 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung một số điều của một số thông tư liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung quản lý nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh:

1. Sửa đổi khoản 2, Điều 9 như sau:

“Điều 9. Hành nghề trong lĩnh vực tài nguyên nước

2. Các tổ chức, cá nhân hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn tỉnh phải đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 4 Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01 ngày 7 năm 2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; khoản 1 Điều 7 Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường và có Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất do Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép. Quá trình hoạt động theo giấy phép phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất.”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

“Điều 10. Cấp quyền khai thác tài nguyên nước

Các tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt, nước dưới đất (chủ giấy phép) thuộc một trong các trường hợp được quy định cụ thể trong khoản 1 Điều 1 Nghị định số 41/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phải nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP, Nghị định số 41/2021/NĐ-CP và khoản 1 Điều 49 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP.”.

3. Bổ sung khoản 5, Điều 11 như sau:

“Điều 11. Thẩm định, cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ hiệu lực, thu hồi, cấp lại, trả lại giấy phép tài nguyên nước

5. Trình tự, thủ tục trả lại, đình chỉ, thu hồi giấy phép tài nguyên nước, chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước thực hiện theo quy định tại Điều 37, Điều 40, Điều 41, Điều 42 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP.”.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

“Điều 12. Nơi đăng ký khai thác nước mặt, nước dưới đất

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra, đăng ký, lưu trữ và quản lý hồ sơ đăng ký khai thác nước mặt, nước dưới đất đối với các trường hợp phải đăng ký theo quy định tại điểm a, điểm d khoản 1 Điều 17 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP. Trình tự, thủ tục thực hiện theo khoản 3 Điều 38, khoản 2, khoản 3 Điều 39 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra, đăng ký,

lưu trữ và quản lý hồ sơ đăng ký nước dưới đất đối với các trường hợp phải đăng ký theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 17 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP. Trình tự, thủ tục thực hiện theo khoản 2, khoản 4, Điều 38 Nghị định 02/2023/NĐ-CP.

3. Rà soát, đơn đốc đăng ký khai thác nước mặt, nước dưới đất

a) Đăng ký khai thác nước mặt:

Hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện rà soát, lập danh sách tổ chức, cá nhân có công trình khai thác, sử dụng nước mặt thuộc diện phải đăng ký trên địa bàn; thông báo và phát tờ khai cho tổ chức, cá nhân để kê khai theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 39 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP.

b) Đăng ký khai thác nước dưới đất:

Căn cứ Danh mục vùng hạn chế, vùng phải đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện rà soát, lập danh sách tổ chức, cá nhân có công trình khai thác nước dưới đất thuộc diện phải đăng ký trên địa bàn; thông báo và tờ khai đăng ký cho tổ chức, cá nhân để kê khai theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 38 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP.”.

5. Bổ sung khoản 17, Điều 14 như sau:

“17. Sở Tài nguyên và Môi trường cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ hiệu lực, thu hồi và cấp lại giấy phép đối với các trường hợp quy định tại khoản 3, Điều 28 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP.”.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 5, Điều 17 như sau:

“5. Tổ chức rà soát, hướng dẫn thủ tục và thực hiện tiếp nhận tờ khai đăng ký khai thác nước dưới đất đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm c, khoản 1 Điều 17 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP.”.

7. Sửa đổi khoản 1, Điều 19 như sau:

“1. Định kỳ hàng năm và đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, các tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép tài nguyên nước báo cáo tình hình khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước (đối với các giấy phép xả nước thải vào nguồn nước còn hiệu lực cấp theo quy định của Luật Tài nguyên nước) và hành nghề khoan nước dưới đất về Sở Tài nguyên và Môi trường, theo Thông tư số 31/2018/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định nội dung, biểu mẫu báo cáo tài nguyên nước; Thông tư 40/2014/TT-BTNMT ngày 11 tháng 7 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất.”.

Điều 2. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ, khoản, điều của Quy định một số nội dung quản lý nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh:

1. Thay cụm từ “trong khoản 2 Điều 2 Thông tư số 47/2017/TT-BTNMT ngày 07 tháng 11 năm 2017” bằng cụm từ “tại Điều 1 Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT ngày 14 tháng 10 năm 2021” tại khoản 1 Điều 4.

2. Thay cụm từ “Thông tư số 47/2017/TT-BTNMT ngày ngày 07 tháng 11 năm 2017” bằng cụm từ “Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT ngày 14 tháng 10 năm 2021” tại khoản 2 Điều 4.

3. Bỏ cụm từ “xả nước thải vào nguồn nước” tại khoản 1 Điều 1; khoản 2 Điều 2; khoản 4 Điều 11; khoản 7, khoản 11 Điều 15; khoản 2 Điều 16; khoản 2 Điều 19.

4. Bỏ cụm từ “Xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng từ 1.000 m³/ngày đêm đến lưu lượng nhỏ hơn 3.000 m³/ngày đêm” tại khoản 1; “Xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng từ 5 m³/giờ và không chứa hóa chất độc hại, chất phóng xạ đến nhỏ hơn 1.000 m³/ngày đêm” tại khoản 2 Điều 11.

5. Bỏ cụm từ “và xả nước thải vào nguồn nước”, “đối với các trường hợp do Ủy ban nhân dân tỉnh cấp” tại khoản 8, Điều 16.

6. Bỏ cụm từ “và xả nước thải vào nguồn nước đối với các trường hợp do Ủy ban nhân dân tỉnh cấp” tại khoản 8, Điều 17.

7. Bãi bỏ điểm b, khoản 4, Điều 15.

8. Bãi bỏ khoản 2, Điều 18.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 6 năm 2023.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc, thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Bắc Kạn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- LĐVP;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Lưu: VT, Huy^{NN}, Hòa^{NCPC}.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đăng Bình